

Số: 13/2026/QĐST - HNGĐ

H, ngày 05 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ trích lục kết hôn 411/2025/TLKH-BS ngày 30/09/2025 của UBND phường C, thành phố H.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 807/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

CCCD số: 034186012287 cấp ngày 10/04/2021

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1984.

CCCD số: 001084013485 cấp ngày 15/05/2025

Cùng HKTT và chỗ ở: Số 21 Ngách 63/44 T, tổ 15 phường C, thành phố H.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành của các đương sự ngày 24 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu Q cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh Q thỏa thuận, chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 09/11/2013 và cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 09/12/2015. Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/1 tháng/2 cháu (tức 2.500.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu) kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các con chung trưởng thành tự lập, hoặc thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014444 ngày 31/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – H xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND khu vực 4 – H;
- Phòng THADS khu vực 4 – H;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị H